TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24 – 02 - 2023
V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Thanh Triều

+ Bà Trần Thị Kim Em

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 169/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Bích V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 5, đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2023).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lưu Minh N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Lương Thị Bích D, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N và chị D: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963. Địa chỉ: 5 đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2023 và ngày 16/02/ 2023).

3. Cháu Huỳnh Quang H, sinh năm 2007;

Người đại diện hợp pháp: Chị Lương Thị Bích V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn Huỳnh Minh Q.

(Có mặt anh Q, bà T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm;**

Nguyên đơn - chị Lương Thị Bích V trình bày:

Chị với anh Huỳnh Minh Q trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo bản án số 119/2010/HNGĐ-ST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nhưng về tài sản chung chưa được giải quyết. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được về tài sản, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh Q như sau:

Trong thời gian chung sống, chị và anh Q có tạo lập được một số tài sản là bất động sản gồm:

+ Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 8, diện tích 24,6m^2 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do ông Truyện Tấn H1 đứng tên.

+ Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Huỳnh Minh Q đại diện đứng tên. Nguồn gốc thửa đất này là của chị và anh Q mua của vợ chồng bà Nguyễn Thiện H2 và ông Truyện Tấn T1.

+ Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Huỳnh Minh Q đại diện đứng tên. Nguồn gốc thửa đất này là của chị và anh Q mua của ông Truyện Tấn H1.

Chị yêu cầu Tòa án chia cho chị thửa đất số 399 diện tích 1.542,7m^2 và chia cho anh Q thửa đất số 401 diện tích 1.541,7m^2. Chị không yêu cầu anh Q trả giá trị đất chênh lệch.

Riêng thửa đất số 398, tờ bản đồ số 8, diện tích 24,6m^2 tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do ông Truyện Tấn H1 đứng tên thì chị rút lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn -anh Huỳnh Minh Q trình bày:

Khoảng năm 2007, anh cùng vợ là chị Lương Thị Bích V có mua 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 và thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do anh đứng tên. Nguồn tiền mua đất là do anh mượn của cha mẹ vợ 160.000.000 đồng để làm ăn nhưng anh không làm ăn mà dùng nó để mua đất. Năm 2009 anh đi làm xa, ở nhà chị V đi theo người khác, sau đó ly hôn với anh vào năm 2010. Đến năm 2015, anh về và đã trả cho mẹ của chị V 160.000.000 đồng mà anh mượn trước đó. Hai thửa đất này anh mua trước khi đăng ký kết hôn với chị V, nên đây là tài sản riêng của anh, vì vậy anh không đồng ý chia đất theo yêu cầu của chị V mà chỉ đồng ý tặng cho chị V thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ý kiến của anh Lưu Minh N:

Anh là chồng sau của chị Lương Thị Bích V, hiện đang canh tác 02 thửa đất mà chị V và anh Q tranh chấp. Anh canh tác hai thửa đất trên từ năm 2012, đến khi anh Q về thì anh Q gây áp lực đòi lấy lại, nên anh đã làm cho anh Q "giấy cho mượn đất", thời hạn 05 năm từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/12/2023, chứ thực tế không có mượn đất.

Trên thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 có 30 cây Mít loại B1 là của anh và chị V trồng. Nay anh Q và chị V có tranh chấp quyền sử dụng đất thì anh yêu cầu anh Q đền bù cho anh giá trị cây trồng theo "Biên bản định giá ngày 23/02/2022". Anh không yêu cầu chị V phải đền bù giá trị cây trồng trên đất cho anh.

2. Ý kiến của ông Truyện Tấn H1:

Trước đây, ông là chủ sử dụng của thửa đất số 398, tờ bản đồ số 8, diện tích 24,6m^2 và thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1541,7m^2, tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có căn nhà. Ông đã bán 02 thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh Huỳnh Minh Q và chị Lương Thị Bích V. Đồng thời, ông Truyện Tấn T1 và vợ là bà Nguyễn Thiện H2 có nhờ ông bán thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1542,7m^2, tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, ông bán luôn 03 thửa đất này cho anh Q và chị V với tổng số tiền 160.000.000 đồng. Khi bán đất thì anh Q và chị V có đến xem đất mới đồng ý mua. Sau đó, anh Q, chị V giao tiền cho ông (trong đó ông có nhận tiền thay cho ông T1, bà H2) và ông giao nhà, đất cho gia đình chị V quản lý sử dụng cho đến nay. Khi giao tiền xong, ông với ông T1 và bà H2 thực hiện thủ tục sang tên cho anh Q, chị V nhưng anh Huỳnh Minh Q đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ông được biết số tiền mua 03 thửa đất nêu trên là của gia đình chị V bán nhà ở thành phố Hồ Chí Minh để về mua đất của gia đình ông.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 169/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 207, 208, 210 và 213 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích V.

2. Chia cho chị Lương Thị Bích V thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 (đo đạc thực tế 1.497,3m^2), tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Huỳnh Minh Q đứng tên quyền sử dụng (Có sơ đồ kèm theo).

3. Chia cho anh Huỳnh Minh Q thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 (đo đạc thực tế 1.522,6m^2), tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Huỳnh Minh Q đứng tên quyền sử dụng (Có sơ đồ kèm theo).

4. Anh Huỳnh Minh Q có nghĩa vụ đền bù giá trị cây trồng cho anh Lưu Minh N số tiền 149.407.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Anh Huỳnh Minh Q có nghĩa vụ đền bù giá trị cây trồng cho chị Lương Thị Bích V số tiền 55.680.000 đồng (Năm mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích V đối với yêu cầu chia thửa đất số 398, tờ bản đồ số 8, diện tích 24,6m^2, tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 26/10/2022, anh Huỳnh Minh Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 và thửa đất số 401, tờ bản đồ 8, diện tích 1.541,7m^2, cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của anh Q.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Huỳnh Minh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia cho anh Q thửa đất 399 diện tích 1.524,7m^2 và căn nhà gắn liền trên đất. Anh đồng ý hoàn giá trị căn nhà và hàng rào cho chị V theo biên bản định giá tài sản ngày 23/02/2022; Đồng ý chia cho chị V thửa đất số 401, diện tích 1.541,7m^2; Không đồng ý đền bù giá trị cây trồng trên thửa đất 399 cho chị V và anh N.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Lương Thị Bích V, anh Lưu Minh N và chị Lương Thị Bích D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh

Minh Q. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Minh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Minh Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Huỳnh Minh Q là trong hạn luật định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Anh Huỳnh Quang H có đơn đề ngày 09/02/2023, nội dung xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Anh Huỳnh Minh Q kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định thửa đất 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 và thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2, cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của anh Huỳnh Minh Q vì cho rằng hai thửa đất này do anh Q mua trước khi đăng ký kết hôn với chị V, nguồn tiền mua đất là do anh Q mượn của cha mẹ chị V và đã trả cho cha mẹ chị V xong, nên các thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Minh Q là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Q thừa nhận trong thời gian anh Q và chị V chung sống như vợ chồng, cả hai cùng nhau nhận chuyển nhượng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 và thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 của ông Truyện Tấn H1, nguồn tiền mua đất là do cha mẹ của chị V cho mượn nhưng anh Q không chứng minh được cha mẹ của chị V cho anh Q mượn riêng hoặc anh Q mua hai thửa đất này bằng tiền riêng của anh Q.

Hơn nữa, chị V và ông Truyện Tấn H1 đã có lời khai khẳng định ông H1 chuyển nhượng hai thửa đất này cho vợ chồng chị V, anh Q nhưng khi làm thủ tục thì anh Q đại diện đứng tên trên giấy tờ, nguồn tiền mua đất là của cha mẹ chị V bán nhà ở thành phố Hồ Chí Minh đem về.

Mặc dù thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh Q và chị V chưa đăng ký kết hôn và các thửa đất này do anh Q đứng tên nhưng anh Q đã thừa nhận anh và chị V cùng nhận chuyển nhượng và nguồn tiền mua đất là của cha mẹ chị V cho mượn, nên có đủ cơ sở xác định thửa đất 399 và thửa đất 401 là tài sản chung hợp nhất của anh Q, chị V. Việc chị V khởi kiện yêu cầu được chia

tài sản chung giữa chị V và anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 210, Điều 219 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh Q yêu cầu được nhận thửa đất 399 và căn nhà cấp IV gắn liền với thửa đất này. Anh Q đồng ý hoàn giá trị căn nhà và hàng rào trên đất cho chị V theo biên bản định giá tài sản ngày 23/02/2022 là 62.770.912 đồng nhưng chị V không đồng ý.

Xét thấy, chị V, chị D và các thành viên của hộ gia đình chị V có nhu cầu sử dụng nhà ở nhưng không có nhà, đất ở nơi nào khác, trong khi anh Q đang sinh sống ổn định cùng cha mẹ của anh Q ở ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho chị V thửa đất 399 có căn nhà gắn liền với đất là phù hợp pháp luật.

Anh Q yêu cầu Tòa án chia cho chị V thửa đất 401 với lý do trên đất có mồ mả của cha mẹ chị V là không phù hợp pháp luật, bởi lẽ thửa 401 và thửa 399 có vị trí, diện tích, giá trị tương đương nhau, nhưng nếu chia thửa 399 cho anh Q sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong hộ. Mặt khác, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị V trình bày chị V đồng ý di dời mồ mả của cha mẹ ra khỏi thửa đất 401 khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của chị V không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa anh Q không đồng ý đền bù giá trị cây trồng trên thửa đất 401 cho anh N và chị V, hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào "*Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp*" và "*Biên bản định giá tài sản*" đề ngày 23/02/2022 thể hiện trên thửa đất 401 anh Lưu Minh N có trồng 40 cây mít loại B1 trị giá 74.240.000 đồng; 54 cây mít loại B2 trị giá 70.092.000 đồng; 35 cây mít loại C trị giá 5.075.000 đồng, tổng cộng 149.407.000 đồng, đây là tài sản thuộc sở hữu của anh Lưu Minh N; Chị V có trồng 30 cây mít loại B1 trị giá 55.680.000 đồng, đây là tài sản thuộc sở hữu của chị V. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho anh Q thửa 401, đồng thời buộc anh Q phải đền bù giá trị cây trồng trên thửa đất này cho anh N và chị V là có căn cứ phù hợp pháp luật. Anh Q kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận thấy các thửa đất tranh chấp do anh Q đứng tên: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05268, số phát hành AK 503551 (thửa 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1542,7m^2) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05269, số phát hành AK 503552 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Hiện nay, anh Lưu Minh N và chị Lương Thị Bích V đang quản lý, sử dụng cả hai thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh Q thửa đất 401, nhưng không tuyên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất cho anh Q; không buộc anh N và chị V có nghĩa vụ giao thửa 401 và cây trồng trên đất cho anh Q; Không tuyên cho các đương sự được quyền sử dụng, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định là có thiếu sót, không đảm bảo cho việc thi hành án sau này. Tuy nhiên, những thiếu

sót nêu trên cấp phúc thẩm có thể khắc phục, bổ sung được. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do sửa án nên anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309, Khoản 2 Điều 296, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 210, Điều 219, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Minh Q.

Sửa một phần Bản án hôn nhân sơ thẩm số 169/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích V đối với yêu cầu chia thửa đất số 398, tờ bản đồ số 8, diện tích 24,6m^2, tại ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích V về việc chia tài sản chung giữa chị Lương Thị Bích V và anh Huỳnh Minh Q.

- Chia cho chị Lương Thị Bích V được quyền sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.542,7m^2 (đo đạc thực tế 1.497,3m^2), loại đất ONT+CLN tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho anh Huỳnh Minh Q, vào sổ cấp giấy H05268, số phát hành AK 503551.

(Có sơ đồ, vị trí đất kèm theo).

- Chia cho anh Huỳnh Minh Q được quyền sử dụng thửa đất số 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 (đo đạc thực tế 1.522,6m^2), tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho anh Huỳnh Minh Q, vào sổ cấp giấy số H05269, số phát hành AK503552.

(Có sơ đồ, vị trí đất kèm theo).

- Anh Huỳnh Minh Q được quyền sở hữu cây trồng trên thửa đất 401 nêu trên gồm: 40 cây mít loại B1 trị giá 74.240.000 đồng; 54 cây mít loại B2 trị giá 70.092.000 đồng; 35 cây mít loại C trị giá 5.075.000 đồng, tổng cộng 149.407.000 đồng; 30 cây mít loại B1 trị giá 55.680.000 đồng.

- Buộc chị Lương Thị Bích V và anh Lưu Minh N phải có nghĩa vụ giao cho anh Huỳnh Minh Q thửa đất 401, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.541,7m^2 (đo đạc thực tế 1.522,6m^2) và cây trồng trên thửa đất này, tại địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cây trồng trên đất gồm: 40 cây mít loại B1; 54 cây mít loại B2; 35 cây mít loại C; 30 cây mít loại B1.

- Anh Huỳnh Minh Q và chị Lương Thị Bích V được quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định.

1.3. Buộc anh Huỳnh Minh Q phải có nghĩa vụ đền bù giá trị cây trồng cho anh Lưu Minh N, số tiền 149.407.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng);

1.4. Buộc anh Huỳnh Minh Q phải có nghĩa vụ đền bù giá trị cây trồng cho chị Lương Thị Bích V, số tiền 55.680.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Lưu Minh N và chị Lương Thị Bích V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/- Án phí:

Chị Lương Thị Bích V phải chịu 28.974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị V đã nộp 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000263 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 25.224.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Anh Huỳnh Minh Q phải chịu 37.230.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho anh Huỳnh Minh Q theo biên lai thu số 0016854 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy